

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST.

Ngày: 11 – 4 – 2019

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Mỹ Lợi

Bà Thạch Thị Thúy Ái

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lịch – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ly Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 517/2018/TLST-DS, ngày 27/9/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2019; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 09/TB-TA ngày 28 tháng 3 năm 2019 và thông báo mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Hoàng V, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp L, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Quốc C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khóm Q, Phường X, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Khóm K, Phường N, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2019, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Võ Hoàng V trình bày:

Vào ngày 06/5/2013 anh V có cho anh Huỳnh Quốc C vay số tiền là 500.000.000đồng, lãi suất vay thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là đến 27/5/2013. Mục đích vay tiền để anh C đóng lãi vay ngân hàng cho mẹ ruột là bà Trần Thị Kiều N1, khi vay tiền anh V và anh C có làm giấy nhận nợ vào ngày 06/5/2013 và anh C ký tên, ghi họ tên vào giấy nhận nợ này.

Sau đó, từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2016 bà N1 (mẹ anh C) đóng lãi nhiều lần thay cho anh C với số tiền tổng cộng là 99.000.000đ. Ngoài ra, thời gian từ tháng 6/2017 đến 16/10/2017 anh C nhiều lần trả tiền vốn vay cho anh V bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản của anh V mở tại ngân hàng Sacombank với số tiền tổng cộng là 50.000.000đồng. Số tiền vốn còn lại 450.000.000đ, sau đó anh V nhiều lần yêu cầu anh C trả nợ (vốn + lãi) nhưng anh C không thực hiện. Do nhiều lần thỏa thuận yêu cầu anh C trả tiền nhưng anh C không thực hiện vì vậy anh V cũng có nhắc tin, điện thoại đe dọa anh C.

Nay anh V yêu cầu anh C trả số tiền vốn vay còn nợ là 450.000.000đồng. Đồng thời yêu cầu anh C trả lãi như sau:

- Tiền lãi vay tính từ ngày 07/5/2013 đến ngày 31/5/2017, trên vốn 500.000.000đồng, với mức lãi suất 1%/tháng.
- Tiền lãi tạm tính từ ngày 17/10/2017 đến ngày 22/02/2019, trên số vốn vay 450.000.000đồng, với mức lãi suất 1%/tháng.
- Từ ngày 01/6/2017 đến ngày 16/10/2017 anh V không yêu cầu anh C trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay anh V yêu cầu anh C trả lãi đến ngày xét xử là 11/4/2019, với mức lãi suất 0,75%/tháng cụ thể như sau:

- Tiền lãi vay tính từ ngày 07/5/2013 đến ngày 31/5/2017 là: 500.000.000đồng x 48 tháng 24 ngày x 0,75%/tháng = 183.000.000đồng.
- Tiền lãi tính từ ngày 17/10/2017 đến ngày 11/4/2019 là: 450.000.000đồng x 17 tháng 25 ngày x 0,75%/tháng = 60.187.500đồng.

Tổng cộng số tiền lãi anh C phải trả cho anh V là 243.187.500đ. Anh V đồng ý căn trừ số tiền lãi vay 99.000.000đồng đã nhận vào tiền lãi vay anh C phải trả, nên tiền lãi vay còn lại 144.187.500đ.

Như vậy tiền vốn vay và tiền lãi vay anh V yêu cầu anh C trả cho anh V là: 450.000.000đồng + 144.187.500đồng = 594.187.500đồng.

Anh V không có yêu cầu ai khác liên đới trả nợ cùng anh C. Ngoài ra, anh V không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Quốc C trình bày:

Từ trước cho đến nay, anh C không có vay tiền của anh V lần nào. Anh C thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào giấy nhận nợ ngày 06/5/2013. Tuy nhiên, việc anh C ký tên và ghi họ tên vào giấy nhận nợ trên là do vào năm 2012 gia đình anh C có nhờ anh V, lúc đó làm Trưởng phòng tín dụng Chi nhánh Ngân hàng T làm thủ tục để vay tiền của Ngân hàng. Anh V có kêu anh C ký tên và ghi họ tên vào phía góc dưới những tờ giấy A4 còn để trống nội dung để trong quá trình làm thủ tục vay vốn tại ngân hàng, nếu cần gì thì anh V sẽ tự bổ sung nội dung vào những tờ giấy A4 mà anh C đã ký tên và ghi họ tên sẵn, nhưng anh C không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của mình.

Sau đó, do anh V nhiều lần đến khách sạn G (nơi anh C đang kinh doanh) đòi tiền, vì muốn cho anh C yên ổn làm ăn, hơn nữa mẹ anh C cũng đang nợ tiền lãi tại ngân hàng nơi anh V công tác và đang nhờ anh V xem xét giúp đỡ trong việc làm thủ tục giảm lãi. Vì vậy, bà N1 (mẹ anh C) mới nhiều lần trả tiền thay cho anh C với tổng số tiền là 99.000.000đ.

Đối với việc anh C trả cho anh V số tiền 50.000.000đ bằng hình thức chuyển vào tài khoản của anh V nhiều lần, là do anh V nhiều lần hăm dọa anh C nên anh C mới chuyển tiền cho anh V, chứ thực tế anh C không có nợ tiền của anh V. Sau nhiều lần anh V hăm dọa, đến quán anh C làm ăn gây khó khăn thì anh C mới báo Công an phường đến giải quyết, nên anh V khởi kiện đến Tòa.

Nay anh Huỳnh Quốc C không đồng ý trả số tiền vốn, lãi theo yêu cầu của anh V.

Đối với số tiền 99.000.000đồng mà bà N1 cho rằng đã trả cho anh V thay anh C từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2016 và số tiền 50.000.000đồng mà anh C đã chuyển vào tài khoản của anh V từ khoảng tháng 6/2017 đến tháng 10/2017. Trong trường hợp Tòa án xác định anh C không có nợ, thì anh C cũng không yêu cầu anh V trả lại.

Còn trong trường hợp Tòa án xác định anh C có nợ và phải trả tiền cho anh V thì anh C đề nghị căn trừ số tiền 99.000.000đ (bà N1 đã trả thay anh C) và 50.000.000đ anh C trực tiếp chuyển cho anh V vào số tiền vốn vay phải trả và anh C đề nghị tính lãi theo quy định pháp luật.

Anh Huỳnh Quốc C không có yêu cầu gì đối với bà Trần Thị Kiều N1. Ngoài ra anh C không có yêu cầu gì khác.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Anh C thừa nhận có ký tên vào tờ biên nhận nợ ngày 06/5/2013. Anh C cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc mình không nhận số tiền trên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466,

468 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh C trả cho anh V số tiền vốn 450.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1 Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Huỳnh Quốc C có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của anh Võ Hoàng V về việc yêu cầu anh Huỳnh Quốc C trả số tiền vốn vay là 450.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 07/5/2013 31/5/2017 của số tiền vốn vay 500.000.000đồng; tiền lãi vay từ ngày 17/10/2017 đến ngày 11/4/2019 của số tiền vốn vay 450.000.000đồng, với mức lãi suất 0,75%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh C thừa nhận có ký tên và ghi họ tên vào giấy nhận nợ ngày 06/5/2013. Như vậy tình tiết này đã được các bên thừa nhận không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được xác định là tình tiết có thật. Tuy nhiên, anh C cho rằng không có vay tiền của anh V lần nào, việc anh C ký tên và ghi họ tên vào giấy nhận nợ trên là do vào năm 2012 gia đình anh C có nhờ anh V, lúc đó làm Trưởng phòng tín dụng Chi nhánh Ngân hàng T làm thủ tục để vay tiền của Ngân hàng. Anh V yêu cầu anh C ký tên và ghi họ tên vào phía góc dưới những tờ giấy A4 trắng chưa có ghi hay đánh máy nội dung để trong quá trình làm thủ tục vay vốn tại ngân hàng cần gì thì anh V sẽ bổ sung nội dung vào những tờ giấy A4 mà anh C đã ký tên và ghi họ tên để làm thủ tục vay ngân hàng. Nhưng anh C không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở.

Hơn nữa, anh C và bà N1 (mẹ anh C) cũng thừa nhận trong khoảng thời gian từ tháng 10/2015 đến tháng 4/2016, bà N1 có trả nợ cho anh V thay cho anh C nhiều lần với tổng số tiền là 99.000.000đồng. Ngoài ra, thì khoảng thời gian từ tháng 6 – 10/2017 anh C cũng nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của anh V tổng cộng là 50.000.000đồng. Như vậy, nếu thực sự anh C không có nợ tiền vay của anh V, thì không có lý do gì bà N1 và anh C lại phải trả cho anh V. Đối với việc anh C cho rằng bà N1 trả tiền cho anh V là do phía gia đình anh C còn phải nhờ anh V giúp đỡ trong việc miễn, giảm số tiền lãi phải trả cho ngân hàng T và việc anh C trả nợ cho anh V 50.000.000đ là do bị đe dọa, nhưng anh C không có căn cứ gì chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ.

Ngoài ra, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh C có yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký tên trong giấy nhận nợ ngày 06/5/2013 có được ký, viết, in vào cùng một thời điểm hay không. Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định gửi Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, cũng như Viện Khoa học hình sự Bộ Công an. Tại công văn số 519/KTHS ngày 18/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và công văn số 383/C09-P5 ngày 26/12/2018 của

Viện khoa học hình sự Bộ công an, xác định chưa đủ khả năng giám định được thời điểm ký, viết, in.

Đối với ý kiến của anh C cho rằng, trong trường hợp Tòa án xác định anh C có nợ anh V số tiền vốn vay 500.000.000đ, thì anh C đề nghị Tòa án căn trừ số tiền mà bà N1 đã trả thay cho anh C là 99.000.000đ và số tiền anh C đã chuyển vào tài khoản cho anh V là 50.00.000đ vào vốn vay phải trả.

Về phía anh V không đồng ý với ý kiến của anh C. Theo anh V trình bày, thì số tiền 99.000.000đ mà bà N1 trả thay cho anh C là khoản tiền lãi hàng tháng anh C phải có nghĩa vụ trả cho anh V. Vì lãi suất thỏa thuận miệng của các bên khi vay là 3%/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày này của anh V là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, số tiền mà hàng tháng bà N1 trả thay cho anh C (anh V nhận nhiều lần trong tháng), cũng tương đương với số tiền lãi thỏa thuận mỗi tháng là 15.000.000đ (3%/tháng). Do đó, việc anh C đề nghị căn trừ số tiền 99.000.000đ vào tiền vốn vay phải trả là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 06/5/2013, có đủ cơ sở xác định giữa anh V và anh C có xác lập hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Theo đó, sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Từ khi vay cho đến nay, anh C mới trả số tiền vốn vay cho anh V là 50.000.000đ, còn nợ 450.000.000đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của anh V yêu cầu anh C trả tiền lãi tính từ ngày 07/5/2013 đến ngày 31/5/2017 là: $500.000.000\text{đồng} \times 48 \text{ tháng} \times 0,75\%/tháng = 183.000.000\text{đồng}$; Tiền lãi tính từ ngày 17/10/2017 đến ngày 11/4/2019 là: $450.000.000\text{đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 0,75\%/tháng = 60.187.500\text{đồng}$.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù trong biên nhận nợ ngày 06/5/2013 không thể hiện lãi suất cho vay. Nhưng theo anh V trình bày, thì hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất vay là 3%/tháng. Xét thấy mức lãi suất thỏa thuận 3%/tháng đã vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía anh V chỉ yêu cầu anh C trả tiền lãi từ ngày 07/5/2013 đến ngày 31/5/2017 trên vốn vay 500.000.000đồng với mức lãi suất 0,75%/tháng thành tiền là 183.000.000đồng và từ ngày 17/10/2017 đến ngày 11/4/2019 trên vốn vay 450.000.000đồng còn lại với mức lãi suất 0,75%/tháng thành tiền là 60.187.500đồng. Tổng số tiền lãi là 243.187.500đồng, trừ số tiền lãi 99.000.000đồng đã nhận, số tiền lãi còn lại 144.187.500đồng. Từ ngày 01/6/2017 đến ngày 16/10/2017 anh V không yêu cầu anh C trả lãi. Xét thấy, yêu cầu tính lãi của anh V là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh C phải có nghĩa vụ trả cho anh V số tiền lãi là 144.187.500đ.

Đối với số tiền lãi tính từ ngày 01/6/2017 đến ngày 16/10/2017 anh V không yêu cầu anh C trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với việc bà N1 đã trả 99.000.000đồng tiền lãi cho anh V thay anh C là sự tự nguyện của bà N1. Phía bà N1 cũng không có tranh chấp gì đối với số tiền

99.000.000đ và có đơn xin không tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về án phí: Anh C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của anh V được chấp nhận. Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của mình không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 471, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Võ Hoàng V về việc yêu cầu anh Huỳnh Quốc C trả nợ.

Buộc anh Huỳnh Quốc C trả cho anh Võ Hoàng V số tiền vốn vay là 450.000.000đồng và tiền lãi là 144.187.500đồng. Tổng cộng tiền vốn, lãi là 594.187.500đồng (năm trăm chín mươi bốn triệu, một trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Huỳnh Quốc C phải chịu 27.767.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho anh Võ Hoàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.869.000đồng ngày 27/9/2018, biên lai thu số 0004877 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự (03 bản);
- Tòa án Tỉnh Đồng Tháp (01 bản)
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Sa Đéc (02 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự TP. Sa Đéc (01 bản)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy